

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2021

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Điện công nghiệp (ĐCN)	0211000036	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công nghiệp (ĐĐT)	0211000038	Tự luận	90'		x	
3	Điện tử công suất (ĐCN)	0211000039	Tự luận	90'		x	
4	Điện tử tương tự (ĐĐT, TĐH)	0211001291	Tự luận	90'		x	
5	Kỹ thuật cơ điện tử (CĐT)	0211001416	Tự luận	90'		x	
6	Kỹ thuật điều khiển tự động (TĐH)	0211000378	Tự luận	90'		x	
7	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐĐT)	0211001419	Tự luận	90'		x	
8	Kỹ thuật Robot (CĐT, TĐH)	0211000373	Tự luận	90'		x	
9	Lập trình PLC (ĐCN)	0211001287	Tự luận	90'		x	
10	Truyền động điện và ứng dụng (ĐCN)	0211000209	Tự luận	90'		x	
11	Tự động hóa quá trình công nghệ (ĐĐT)	0211000212	Tự luận	90'		x	
12	Vi xử lý (CĐT)	0211000222	Tự luận	90'		x	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0211000236	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử cơ bản (ĐĐT, ĐCN, CĐT, TĐH)	0211000037	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Khí cụ điện (TĐH, ĐCN, ĐĐT)	0211000248	Tự luận	90'		x	
4	Kỹ thuật số (CĐT, TĐH, ĐCN, ĐĐT)	0211000091	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Mạch điện (TĐH, ĐCN, ĐĐT, CĐT)	0211002029	Tự luận	90'		x	
6	Máy điện (TĐH, ĐCN, ĐĐT)	0211000271	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Kỹ thuật điện (BCN)	0211000770	Tự luận	90'		x	
8	Trang bị điện (TĐH)	0211000295	Tự luận	90'		x	
2020 LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (C2)							
1	Điện công nghiệp (ĐCN)	0204000036	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công nghiệp (ĐĐT)	0204000038	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Điện tử tương tự (ĐĐT)	0204001291	Tự luận	90'		x	
4	Tính toán và Sửa chữa máy điện (ĐCN)	0204000377	Tự luận	90'		x	
5	Truyền động điện và ứng dụng (ĐCN)	0204000209	Tự luận	90'		x	
2020 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	An toàn lao động (ĐDT)	0201002137	Tự luận	90'		x	
2	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (ĐĐT)	0201002573	Tự luận	90'		x	
3	Điện tử cơ bản (ĐĐT)	0201000037	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Khí cụ điện (ĐĐT)	0201000248	Tự luận	90'		x	
5	Kỹ thuật số (ĐĐT)	0201000091	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Mạch điện (ĐĐT)	0201002029	Tự luận	90'		x	
2020 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Điện tử cơ bản (CĐT)	0220000037	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Khí cụ điện (CĐT)	0220000248	Tự luận	90'		x	
3	Kỹ thuật số (CĐT)	0220000091	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Trang bị điện (CĐT)	0220000295	Tự luận	90'		x	
2020 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CĐT)	0221002573	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử cơ bản (CĐT)	0221000037	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ thuật số (CĐT)	0221000091	Trắc nghiệm	60'		x	
2020 TRUNG CẤP (T2)							
1	Máy điện	0713001074	Tự luận	90'		x	
2	Trang bị điện	0713001018	Tự luận	90'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI

KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021

Khoa: NHIỆT - LẠNH

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Bơm - Quạt - Máy nén (LĐL)	0211001425	Tự luận	90'		x	
2	Chuyên đề máy lạnh (CNL, KML, LĐL)	0211001435	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Điều hòa không khí ô tô (CNL, KML, LĐL, VSL)	0211001429	Thực hành				
4	Kỹ thuật sấy (CNL)	0211000090	Tự luận	90'	x		
5	Lò hơi (CNL)	0211000898	Tự luận	60'	x		
6	Nhà máy nhiệt điện (CNL)	0211002415	Tự luận	60'	x		
7	Thiết kế kho lạnh (VSL)	0211000857	Tự luận	60'	x		
8	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (KML, VSL)	0211002296	Tiểu luận				
9	Thông gió và xử lý khí thải (LĐL, KML)	0211002417	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (VSL)	0211002412	Tiểu luận				
11	Tự động hóa hệ thống lạnh (LĐL, KML)	0211001440	Tự luận	90'		x	
12	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (VSL)	0211000893	Tự luận	90'		x	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ sở kỹ thuật Điện-Điện tử (KML, CNL, VSL, LĐL)	0211002217	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Cơ sở kỹ thuật lạnh (CNL, KML, LĐL, VSL)	0211001346	Tự luận	90'	x		
3	Trang bị điện hệ thống lạnh (CNL, KML, LĐL, VSL)	0211001347	Tự luận	90'	x		
4	Truyền nhiệt (CNL, LĐL, KML, VSL)	0211000211	Tự luận	90'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (C2)							
1	CAD ứng dụng chuyên ngành (CNL)	0204002218	Thực hành				
2	Cơ sở kỹ thuật điện - điện tử (LĐL)	0204002136	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ thuật điều hòa không khí (CNL, LĐL)	0204001930	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Máy và thiết bị lạnh (LĐL)	0204002135	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Thông gió và xử lý khí thải (LĐL)	0204002417	Trắc nghiệm	60'		x	

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: CƠ KHÍ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CCK2,4)	0211002420	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kỹ thuật thủy lực - Khí nén (BCN, CCK2,4,5)	0211001283	Tự luận	90'		x	
3	Máy cắt kim loại (BCN)	0211001234	Tự luận	90'		x	
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (Ô)	0211001472	Tự luận	90'	x		
5	Nguyên lý cắt kim loại (CCK2,4)	0211000273	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Quản lý và kỹ thuật bảo trì (BCN)	0211001445	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Thiết kế CAD cơ bản (CCK2,4)	0211001955	Tiểu luận				
2019 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Sức bền vật liệu (Ô)	0201000141	Tự luận	90'	x		
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ kỹ thuật (CCK, CTM, BCN, CKL)	0211002030	Tự luận	90'	x		
2	Công nghệ Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (BCN)	0211001247	Tự luận	90'		x	
3	Công nghệ khuôn mẫu 1 (CTK)	0211002555	Tự luận	90'		x	
4	Dung sai - Kỹ thuật đo (CCK, CTM, CTK, BCN, CĐT, CKL)	0211000769	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Nguyên lý cắt kim loại (CCK, CTK)	0211000273	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Vẽ kỹ thuật (CĐT)	0211001284	Tự luận	60'		x	
2020 LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (C2)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CCK, CKL)	0204000778	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2	Nguyên lý - Chi tiết máy (Ô)	0204002184	Tự luận	90'		x	
3	Thiết kế CAD cơ bản (CCK, CKL)	0204001955	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CTM, CCK)	0201002190	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Cơ kỹ thuật (CTM, CCK)	0201002266	Tự luận	90'	x		
3	Dung sai - Kỹ thuật đo (CTM, CCK)	0201000769	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Thiết kế CAD cơ bản (CTM, CCK)	0201002491	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Thiết kế CAD cơ bản (CĐT)	0220001955	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Vẽ kỹ thuật (CĐT)	0221001284	Tự luận	60'		x	



PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2021

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: ĐỘNG LỰC

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại	0211001481	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Phần mềm chẩn đoán kỹ thuật ô tô	0211002422	Tiểu luận				
3	Quản lý dịch vụ ô tô	0211000135	Tiểu luận				
2020 LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (C2)							
1	Động cơ đốt trong	0204000055	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại	0204001481	Trắc nghiệm	60'		x	

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG (C1)							
1	An toàn hệ thống mạng máy tính (ANM, QTM)	0211002304	Thi trên máy tính	90'		x	
2	An toàn mạng trên Cisco (ANM)	0211001507	Thi trên máy tính	90'		x	
3	Bảo mật hệ thống thông tin (CMT, QTM)	0211001484	Thi trên máy tính	90'	x		
4	Biên tập phim với Premiere (TKĐ)	0211001864	Tiểu luận				
5	Cấu hình mạng (QTM)	0211001485	Thi trên máy tính	90'		x	
6	Chế bản với Indesign (TKĐ)	0211001863	Tiểu luận				
7	Công nghệ & Dịch vụ Web (TKW)	0211001522	Thi trên máy tính	120'	x		
8	Công nghệ ảo hóa (ANM, QTM)	0211001512	Thi trên máy tính	120'		x	
9	Công nghệ mạng không dây (CMT)	0211001501	Tự luận	90'		x	
10	Công nghệ phần mềm (LTM)	0211001491	Tiểu luận				
11	Dựng Video (TKĐ)	0211001867	Tiểu luận				
12	Kỹ thuật hack nâng cao (ANM)	0211002426	Thi trên máy tính	90'		x	
13	Lập trình ASP.Net 2 (TKW)	0211000900	Tiểu luận				
14	Lập trình cơ sở dữ liệu (TKW)	0211001518	Thi trên máy tính	120'	x		
15	Lập trình hệ thống nhúng (LTM)	0211001495	Thi trên máy tính	120'	x		
16	Lập trình mạng (ANM)	0211001513	Thi trên máy tính	90'	x		
17	Lập trình PHP2 (TKW)	0211001521	Tiểu luận				
18	Lập trình trên thiết bị di động (LTM)	0211001496	Thi trên máy tính	120'	x		
19	Lập trình web (LTM)	0211002431	Tiểu luận				
20	Mạng nâng cao (ANM, CMT, QTM)	0211002427	Thi trên máy tính	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
21	Quản trị hệ thống mail server (QTM)	0211001487	Thi trên máy tính	90'		x	
22	Sửa chữa máy tính nâng cao (CMT)	0211001503	Tự luận	90'		x	
23	Sửa chữa thiết bị ngoại vi (CMT)	0211001767	Tự luận	90'		x	
24	Thiết kế sự kiện (TKĐ)	0211002439	Tiểu luận				
25	Thiết kế web nâng cao (TKĐ)	0211002438	Tiểu luận				
26	XML (LTM, TKW)	0211000224	Thi trên máy tính	90'	x		
27	Xử lý âm thanh (TKĐ)	0211001813	Tiểu luận				
28	Xử lý sự cố phần mềm (CMT)	0211001504	Tự luận	90'		x	

2020 CAO ĐẲNG (C1)

1	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (ĐHĐ, TKW, LTM, CMT, QTM)	0211000940	Thi trên máy tính	90'	x		
2	Kỹ thuật lập trình (TKW, LTM, TMĐ)	0211000943	Tự luận	90'		x	
3	Mạng máy tính và quản trị mạng (CMT, QTM)	0211000106	Trắc nghiệm trên máy tính	60'		x	
4	Nguyên lý tạo hình (TKĐ)	0211001812	Tiểu luận				
5	Phần cứng máy tính (CMT, QTM)	0211000122	Tự luận	90'		x	
6	Thiết kế đồ họa với Illustrator (TKĐ)	0211001811	Tiểu luận				
7	Thiết kế giao diện web với Photoshop (ĐHĐ, TKW, LTM)	0211001815	Thi trên máy tính	90'		x	
8	Xử lý ảnh với Photoshop căn bản (ĐHĐ, TKĐ)	0211001805	Thi trên máy tính	90'		x	
9	Tin học (CĐT, KTD, QTD, TCD, LGT, QKS, QNH, TĐH, ĐCN, ĐĐT, CNM, CCK, CTM, BCN, CTK, CKL, KXD, QXD)	0211002028	Thi trên máy tính	90'		x	

2020 LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (C2)

1	An toàn hệ thống mạng máy tính (CMT)	0204002304	Thi trên máy tính	90'		x	
2	Bảo trì và sửa chữa máy tính (THU)	0204002583	Tự luận	90'		x	
3	Công nghệ Ảo hóa (CMT)	0204001109	Thi trên máy tính	90'		x	
4	Công nghệ và dịch vụ web (LTM)	0204001206	Thi trên máy tính	120'	x		
5	Kỹ thuật soạn thảo văn bản (THU)	0204002582	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
6	Lập trình mạng căn bản (TKW, LTM)	0204002581	Thi trên máy tính	120'	x		
7	Lập trình trên thiết bị di động (THU)	0204001496	Tiểu luận				
8	Phân tích và thiết kế hệ thống (THU)	0204001244	Tiểu luận				
9	Quản trị hệ thống mail server (QTM)	0204002245	Thi trên máy tính	90'		x	
10	Quản trị mạng nâng cao trên Linux (QTM)	0204002246	Thi trên máy tính	90'		x	
11	Thiết bị mạng (CMT)	204001243	Thi trên máy tính	90'		x	
12	Thiết kế giao diện web với Photoshop (TKW)	0204002508	Thi trên máy tính	90'		x	
13	XML (TKW, LTM)	0204002580	Thi trên máy tính	90'	x		

2020 CAO ĐẲNG CLC (C3)

1	Tin học (CTM, CCK, ĐĐT)	0201002028	Thi trên máy tính	90'		x	
---	-------------------------	------------	-------------------	-----	--	---	--

2020 TRUNG CẤP (T2)

1	Tin học	0713002178	Thi trên máy tính	90'		x	
---	---------	------------	-------------------	-----	--	---	--

2020 TRUNG CẤP (T5)

1	Cơ sở dữ liệu	0718002021	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật lập trình	0718002097	Tiểu luận				
3	Phần cứng và mạng máy tính	0718002096	Tiểu luận				
4	Photoshop căn bản	0718002307	Tiểu luận				
5	Photoshop nâng cao	0718002094	Tiểu luận				
6	Thiết kế Web	0718002093	Tiểu luận				
7	Tin học	0718002070	Tiểu luận				
8	Xử lý văn bản và bảng tính nâng cao	0718002095	Tiểu luận				


 HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: MAY - THỜI TRANG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Công nghệ CAD ngành may (CNM)	0211002331	Tự luận trên máy tính	90'		x	
2	Phát triển mẫu trên mannequin (CNM)	0211001535	Tự luận	60'		x	
3	Quản lý đơn hàng (CNM)	0211000136	Tự luận	90'		x	
4	Vẽ kỹ thuật ngành may (CNM)	0211001524	Tự luận	90'		x	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Lập kế hoạch kinh doanh (KLB)	0211002553	Tự luận	90'		x	
2	Máy trang phục 1 (CNM)	0211001322	Thực hành	270'	x		
3	Tâm lý kinh doanh nhà hàng (KLB)	0211002552	Tự luận	90'		x	
4	Tổng quan bếp bánh (KLB)	0211002284	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Vẽ kỹ thuật ngành may (CNM)	0211001524	Tự luận	90'		x	
2020 LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (C2)							
1	Công nghệ CAD ngành may (CNM)	0204002331	Tự luận trên máy tính	90'		x	
2	Marketing hàng may mặc (CNM)	0204002385	Tự luận	90'		x	
3	Máy trang phục 3 (CNM)	0204002009	Thực hành	270'	x		
4	Tổ chức và quản lý chất lượng trang phục may công nghiệp (CNM)	0204001961	Tự luận	90'		x	

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: KINH TẾ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGT)	0211002460	Tự luận	90'		x	
2	Kế toán doanh nghiệp 3 (KTD)	0211002447	Tự luận	90'		x	
3	Kế toán hành chính sự nghiệp (KTD)	0211002338	Tự luận	90'	x		
4	Kế toán ngân hàng (KTD)	0211002230	Tự luận	90'		x	
5	Kế toán quản trị (KTD)	0211002340	Tự luận	90'		x	
6	Kế toán thương mại dịch vụ (KTD)	0211001735	Tự luận	90'		x	
7	Kế toán trên phần mềm Misa (KTD)	0211002449	Tự luận trên máy tính	90'		x	
8	Kinh doanh quốc tế (QTD)	0211002457	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Kinh tế vĩ mô (KTD)	0211002052	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Nghiệp vụ hải quan (LGT)	0211002356	Tự luận	90'	x		
11	Nhận thức về hàng hóa nguy hiểm (LGT)	0211002465	Tự luận	90'	x		
12	Quản trị chất lượng (QTD)	0211002458	Tự luận	60'	x		
13	Quản trị chuỗi cung ứng (QTD)	0211002455	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Quản trị dự án đầu tư (QTD)	0211002234	Tự luận	90'		x	
15	Quản trị Logistics (LGT)	0211002463	Tự luận	90'		x	
16	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0211002140	Tự luận	90'		x	
17	Quản trị tài chính (KTD)	0211002043	Tự luận	90'		x	
18	Rủi ro bảo hiểm (LGT)	0211002461	Tự luận	90'	x		
19	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (QTD)	0211002232	Tự luận	90'		x	
20	Thuế xuất nhập khẩu (LGT)	0211002467	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
21	Văn hóa doanh nghiệp (QTD)	0211002241	Tự luận	90'		x	
22	Vận tải đa phương thức (LGT)	0211002462	Tự luận	90'		x	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn (QKS,QNH)	0211002281	Tự luận	90'		x	
2	Bao bì - Đóng gói hàng hóa (LGT)	0211002351	Tự luận	90'	x		
3	Chiến lược và chính sách kinh doanh (QTD)	0211002226	Tự luận	90'		x	
4	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (QNH)	0211002530	Tự luận	60'	x		
5	Dịch vụ khách hàng (LGT)	0211002042	Tự luận	60'	x		
6	Giao tiếp trong du lịch (QKS, QNH)	0211002529	Tự luận	60'	x		
7	Hành vi tổ chức (QTD)	0211001315	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Kế toán doanh nghiệp 1 (KTD)	0211002224	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Kinh tế vi mô (KTD, QTD, TCD)	0211001308	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Kỹ năng làm việc với máy móc thiết bị (LGT)	0211002045	Tự luận	90'		x	
11	Luật kinh doanh KTD)	0211002222	Tự luận	60'	x		
12	Luật kinh tế (TCD)	0211002559	Tự luận	90'	x		
13	Marketing căn bản (KTD, QTD, TCD)	0211001314	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Marketing dịch vụ Logistics (LGT)	0211002041	Tự luận	60'	x		
15	Nghệ vụ đặt bàn và phục vụ bữa ăn Á (QNH)	0211002567	Tự luận	90'		x	
16	Nghệ vụ thanh toán trong khách sạn (QKS)	0211002561	Tự luận	90'		x	
17	Nghệ vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo(QKS)	0211002562	Tự luận	90'		x	
18	Nguyên lý kế toán (QTD)	0211002018	Trắc nghiệm	60'		x	
19	Phân tích báo cáo tài chính (QTD)	0211002225	Tự luận	90'		x	
20	Phân tích hoạt động kinh doanh (KTD)	0211002051	Tự luận	90'		x	
21	Quản trị kho hàng (LGT)	0211002046	Tự luận	90'	x		
22	Quản trị lễ tân(QKS)	0211002564	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
23	Quản trị tài chính(LGT)	0211002043	Tự luận	90'		x	
24	Soạn thảo văn bản (TCD)	0211001835	Tự luận	90'		x	
25	Tài chính - tiền tệ(TCD)	0211002560	Trắc nghiệm	60'		x	
26	Tài chính doanh nghiệp 1 (KTD)	0211002223	Tự luận	90'		x	
27	Tâm lý khách du lịch(QNH)	0211002278	Trắc nghiệm	60'		x	
28	Tâm lý kinh doanh (QTD)	0211002049	Trắc nghiệm	60'		x	
29	Thanh toán điện tử (TMĐ)	0211001942	Trắc nghiệm	60'		x	
30	Thống kê doanh nghiệp (TCD)	0211001537	Tự luận	90'		x	
31	Thuế (KTD)	0211002242	Trắc nghiệm	60'		x	
32	Thương mại điện tử (TCD)	0211002054	Tự luận trên máy tính	60'		x	
33	Tổ chức sự kiện (QNH)	0211002568	Tự luận	60'		x	
34	Ứng dụng công nghệ thông tin trong khách sạn (QKS)	0211002563	Trắc nghiệm	60'		x	
35	Văn hóa ẩm thực (QNH)	0211002536	Tự luận	60'		x	
36	Xây dựng thực đơn (QNH)	0211002566	Tự luận	90'		x	

2020 LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (C2)

1	Kế toán chi phí (KTD)	0204002145	Tự luận	90'		x	
2	Kế toán doanh nghiệp 2 (KTD)	0204002229	Tự luận	90'		x	
3	Kinh tế vĩ mô (KTD)	0204002052	Tự luận	90'		x	
4	Quản trị doanh nghiệp (QTD)	0204002243	Tự luận	90'		x	
5	Quản trị dự án đầu tư (QTD)	0204002234	Tự luận	90'		x	
6	Quản trị học (KTD)	0204002142	Tự luận	90'	x		
7	Quản trị xuất nhập khẩu (QTD)	0204002231	Tự luận	90'	x		


PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: XÂY DỰNG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Đấu thầu và tổ chức đấu thầu (KXD)	0211002109	Trắc nghiệm	60'	x		
2	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0211002104	Tự luận	90'	x		
3	Kết cấu bê tông - cốt thép 2 (KXD)	0211001841	Tự luận	60'	x		
4	Kiến trúc công trình (KXD)	0211002063	Tự luận	60'	x		
5	Kinh tế xây dựng (KXD)	0211002478	Tự luận	60'		x	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	An toàn lao động (KXD)	0211001820	Trắc nghiệm	60'	x		
2	Cơ học xây dựng(KXD,QXD)	0211002065	Tự luận	90'		x	
3	Địa chất, cơ đất, nền móng (KXD, QXD)	0211002064	Tự luận	90'	x		
4	Kết cấu bê tông - cốt thép 1 (KXD)	0211002239	Tự luận	90'	x		
5	Kinh tế vi mô (QXD)	0211002391	Tự luận	60'		x	
6	Kinh tế vĩ mô (QXD)	0211002569	Tự luận	60'		x	
7	Nguyên lý thống kê (QXD)	0211002392	Tự luận	60'		x	
8	Quản lý dự án xây dựng (QXD)	0211001842	Tự luận	60'		x	
9	Trắc địa đại cương (KXD, QXD)	0211002066	Trắc nghiệm	90'	x		


PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Tiếng Anh Đàm phán (NNA)	0211001584	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 3 (CĐT, ĐCN, ĐĐT, TĐH, CNL, KML, LĐL, VSL, CNÔ, ANM, CMT, LTM,QTM, TKĐ, TKW, CNM, QTD, LGT, KTD, KXD,BCN, CCK2,4)	0211002259	Trắc nghiệm	90'		x	
3	Tiếng Anh Quản trị (NNA)	0211002610	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0211001593	Vấn đáp	120'		x	
5	Tiếng Hoa (NNA)	0211002474	Trắc nghiệm	60'		x	
2019 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
	Tiếng Anh 3 (Ô)	0201002259	Trắc nghiệm	90'		x	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Độc (NNA)	0211002057	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Ngữ pháp Tiếng Anh 2 (NNA)	0211002055	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Nói (NNA)	0211001257	Vấn đáp	120'		x	
4	Phát âm (NNA)	0211002579	Vấn đáp	120'		x	
5	Tiếng Anh 1 (CNL, LĐL,KML,VSL, ĐHĐ, TLW, LTM, CMT, QTM, TMD, TKĐ)	0211002027	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Tiếng Anh 2 (CNL, LĐL,KML,VSL, ĐHĐ, TLW, LTM, CMT, QTM, TMD, TKĐ)	0211002254	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Tiếng Anh 3 (CNL, LĐL,KML,VSL, ĐHĐ, TLW, LTM, CMT, QTM, TMD, TKĐ)	0211002259	Trắc nghiệm	90'		x	
8	Tiếng Anh Marketing (NNA)	0211002577	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0211001593	Vấn đáp	120'		x	
10	Viết (NNA)	0211001259	Tự luận	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (C2)							
1	Ngữ âm và âm vị học (NNA)	0204000969	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh (KTD, QTD, CNL, L&L, ĐCN, ĐĐT, CMT, THU, TKW, CNM, QTM, CCK, LTM, CKL)	0204002187	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh Marketing (NNA)	0204002577	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tiếng Hoa (NNA)	0204002574	Trắc nghiệm	60'		x	
2020 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Tiếng Anh 1 (CĐT)	0220002027	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (CĐT)	0220002254	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh 3 (CĐT)	0220002259	Trắc nghiệm	90'		x	
4	Tiếng Anh 4 (CĐT)	0220002495	Trắc nghiệm	60'		x	
2020 TRUNG CẤP (T2)							
1	Hóa	0713001410	Tự luận	90'		x	
2	Lý	0713001409	Tự luận	90'		x	
3	Tiếng Anh 1	0713002071	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tiếng Anh 2	0713002201	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Toán	0713001408	Tự luận	90'		x	
6	Văn	0713001411	Tự luận	90'		x	



TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Pháp luật (CNÔ, ANM, CMT, LTM, QTM, TKW, TKĐ, CNM,BCN,CCK2,4)	0211002396	Tự luận	90'	x		
2019 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Pháp luật (Ô)	0201002396	Tự luận	90'	x		
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Giáo dục chính trị (ĐHĐ, LTM, TKW, TKĐ, TMĐ, CMT, QTM, CNM, KLB, CCK, CTM, BCN,CKL)	0211001967	Tự luận	90'	x		
2020 LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (C2)							
1	Pháp luật (KTD, QTD,CNL, LDL, ĐCN, ĐĐT, CMT, THU, TKW, QTM, LTM, CNM, NNA, CCK, CKL)	0204002188	Tự luận	90'	x		
2020 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Giáo dục chính trị (CTM, CCK)	0201001967	Tự luận	90'	x		
2020 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Pháp luật (CĐT)	0220002396	Tự luận	90'	x		
2020 TRUNG CẤP (T2)							
1	Giáo dục chính trị	0713001981	Trắc nghiệm	60'	x		

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ